

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 21-08-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Kim Sơn;
2. Ông Hà Công Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB);

Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số: 24702/UQ-MBAMC ngày 13/04/2023 của Tổng giám đốc cho ông Phạm Anh T - Phó giám đốc M làm đại diện.

Ông Phạm Anh T ủy quyền cho ông Trần Quyết T1 - Chuyên viên thu hồi nợ T tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền số 1229/UQ-MBAMC ngày 18/09/2023). Có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH X;

Địa chỉ: Số D ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đoàn Hoàng H - Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Bùi Tiết H1, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 383/22 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Đoàn Hoàng H, bà Võ Bùi Tiết H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quyết T1 trình bày:

Ngày 25/05/2022, Công ty TNHH X và Ngân hàng TMCP Q (M1) – Chi nhánh V đã cùng ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số 23133.22.860.3896050.TD và Ngày 13/07/2021 cùng ký kết Hợp Đồng cấp tín dụng số 33497.21.860.3896050.TD cùng các văn bản sửa đổi/ bổ sung Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ số LD2211274072 ngày 22/04/2022, LD221330902 ngày 13/05/2022, LD2213701541 ngày 17/05/2022, LD2215376954 ngày 01/06/2022, LD2215484678 ngày 03/06/2022, LD2220847152 ngày 27/07/2022, LD2221614670 ngày 04/08/2022, LD2222983079 ngày 17/08/2022, LD2224180960 ngày 29/08/2022, LD2225060742 ngày 07/09/2022, LD2226288546 ngày 19/09/2022. Tổng số tiền ngân hàng M1 đã giải ngân cho Công ty TNHH X là 1.940.258.569 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên gồm:

Quyền sử dụng đối với thửa đất số 296, tờ bản đồ số 15, diện tích 716,6m², tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo GCNQSDĐ số CO 757855, sổ vào sổ CS05113 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp cho ông Đoàn Hoàng H và bà Võ Bùi Tiết H1 ngày 22/08/2018. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C, tỉnh Bến Tre số 6495 ngày 01/09/2018 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất huyện C;

Quyền sử dụng đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 16, diện tích 4123,3m², tại xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo GCNQSDĐ số CO 757862, sổ vào sổ CS09754 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp cho ông Đoàn Hoàng H và bà Võ Bùi Tiết H1 ngày 22/08/2018. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C, tỉnh Bến Tre số 6495 ngày 01/09/2018 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất huyện C;

Quyền sử dụng đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 15, diện tích 2304m², tại ấp P xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo GCNQSDĐ số BM842972, sổ vào sổ

CH01932 do UBND huyện C cấp ngày 07/05/2013; cập nhật tặng cho bà Võ Bùi Tiết H1 ngày 07/04/2021. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1 số 4502 ngày 15/04/2021 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất huyện C;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/07/2023 Công ty TNHH X mới trả được cho ngân hàng số tiền 132.661.202 đồng (trong đó tiền gốc đã trả là 51.317.083 đồng, tiền lãi là 81.344.119 đồng). Công ty TNHH X đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, khoản vay bị quá hạn từ ngày 04/05/2022.

Dư nợ tạm tính của Công ty TNHH X đến ngày 21/08/2024 là 2.378.974.245 đồng, trong đó dư nợ gốc hiện tại là 1.888.939.671 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.353.186 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 415.400.440 đồng, lãi chậm trả lãi 9.280.948 đồng. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu Công ty TNHH X trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng Công ty TNHH X đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, nay Ngân hàng M1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết:

Buộc Công ty TNHH X thanh toán cho ngân hàng M1 số tiền: 2.378.974.245 đồng, trong đó dư nợ gốc hiện tại là 1.888.939.671 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.353.186 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 415.400.440 đồng, lãi chậm trả lãi 9.280.948 đồng.

Buộc Công ty TNHH X thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 23133.22.860.3896050.TD và Hợp Đồng cấp tín dụng số 33497.21.860.3896050.TD cùng các văn bản sửa đổi/ bổ sung Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/08/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán hết các khoản nợ vay theo các hợp đồng nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng đối với thửa đất số 296, tờ bản đồ số 15, diện tích 716,6m², tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Quyền sử dụng đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 16, diện tích 4123,3m², tại xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Quyền sử dụng đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 15, diện tích 2304m², tại ấp P xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH X đối với MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/05/2024 bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ theo như đơn khởi kiện của ngân hàng M1 và hiện nay còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.888.941.486 đồng theo như tính toán của ngân hàng. Nay bị đơn cũng đồng ý trả nợ gốc cho ngân hàng, còn lãi thì bị đơn yêu cầu ngân hàng xem xét giảm lãi và cho bị đơn thời gian để sắp xếp phương án trả nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS), Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 46 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đang yêu cầu ngân hàng xem xét miễn giảm lãi, nhận quyết định tham dự phiên tòa trễ (nhận ngày 14/8/2024) nên chưa đủ thời gian làm việc với ngân hàng, phiên tòa lần đầu không có nhận giấy triệu tập của Tòa án. Xét thấy, căn cứ vào Phiếu báo phát số 931700 ngày 18/07/2024 của Bureau huyện C thể hiện bị đơn đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/07/2024 nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật TTDS, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại lúc 13 giờ 30 phút ngày 21/8/2024 và bị đơn cũng đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án. Vì vậy, việc bị đơn cho rằng không nhận được giấy triệu tập tham dự phiên tòa lần thứ nhất là không đúng; còn phiên tòa lần thứ hai bị đơn đã nhận được ngày 14/8/2024 trong khi ngày mở phiên tòa là ngày 21/8/2024 nhưng bị đơn cho rằng nhận trễ là không phù hợp. Đối với đề nghị của bị đơn về việc cho bị đơn có thời

gian để làm việc, tự thỏa thuận với ngân hàng nhưng không được ngân hàng đồng ý, đồng thời kể từ khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là ngày 09/05/2024 đến nay là hơn 03 tháng nhưng bị đơn vẫn không tự thỏa thuận được với ngân hàng. Do đó lý do và đề nghị xin hoãn phiên tòa của bị đơn là không phù hợp và không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt, Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Bùi Tiết H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H1 không có mặt và tại phiên tòa bà H1 vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào nội dung hợp đồng tín dụng số 23133.22.860.3896050.TD , số 33497.21.860.3896050.TD và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 31103.18.860.3896050.BĐ ngày 01/09/2018 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hoàng H, bà Võ Bùi Tiết H1; số 19040.21.860.3896050.BĐ ngày 15/04/2021 giữa Ngân hàng với bà Võ Bùi Tiết H1. Căn cứ theo quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 30 Bộ Luật TTDS, Điều 463, 317 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 23133.22.860.3896050.TD ngày 25/05/2022, số 33497.21.860.3896050 ngày 13/07/2021 cùng các khế ước nhận nợ số LD2211274072 ngày 22/04/2022, LD221330902 ngày 13/05/2022, LD2213701541 ngày 17/05/2022, LD2215376954 ngày 01/06/2022, LD2215484678 ngày 03/06/2022, LD2220847152 ngày 27/07/2022, LD2221614670 ngày 04/08/2022, LD2222983079 ngày 17/08/2022, LD2224180960 ngày 29/08/2022, LD2225060742 ngày 07/09/2022 và LD2226288546 ngày 19/09/2022 thể hiện tổng số tiền ngân hàng M1 đã giải ngân cho Công ty TNHH X là 1.940.258.569 đồng. Do đó, có căn cứ xác định Công ty TNHH X đã vay của ngân hàng M1 số tiền 1.940.258.569 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 30/07/2023, Công ty TNHH X đã trả được cho ngân hàng số tiền 132.661.202 đồng (trong đó tiền gốc đã trả là 51.317.083 đồng, tiền lãi là 81.344.119 đồng).

Công ty TNHH X đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, khoản vay bị quá hạn từ ngày 04/05/2022. Dư nợ tạm tính của Công ty TNHH X đến ngày 21/08/2024 là 2.378.974.245 đồng, trong đó dư nợ gốc hiện tại là 1.888.939.671 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.353.186 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 415.400.440 đồng, lãi chậm trả lãi 9.280.948 đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng số 23133.22.860.3896050.TD ngày 25/05/2022, số 33497.21.860.3896050 ngày 13/07/2021 có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ đối với Công ty TNHH X. Công ty TNHH X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng M1 đúng hạn là vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH X thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay bao gồm: Dư nợ gốc hiện tại là 1.888.939.671 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.353.186 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 415.400.440 đồng, lãi chậm trả lãi 9.280.948 đồng. Tổng cộng là 2.378.974.245đ (Hai tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được xem xét chấp nhận.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 31103.18.860.3896050.BĐ ngày 01/09/2018 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hoàng H, bà Võ Bùi Tiết H1; số 19040.21.860.3896050.BĐ ngày 15/04/2021 giữa Ngân hàng với bà Võ Bùi Tiết H1 là để đảm bảo cho các khoản nợ vay của Công ty TNHH X. Hợp đồng thế chấp này được các bên tự nguyện ký kết, được công chứng tại Phòng C, Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre. Như vậy, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 119, 298, 299, 319 và Điều 320 của BLDS 2015 nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải thực hiện.

[4] Về phát biểu và đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được xem xét chấp nhận.

[5] Về Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 79.579.000đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng), Công ty TNHH X phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 119, 298, 299, 317, 319, 320, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB) đối với Công ty TNHH X về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”.

1.1. Buộc Công ty TNHH X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền là 2.378.974.245đ (Hai tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng), trong đó dư nợ gốc hiện tại là 1.888.939.671 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.353.186 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 415.400.440 đồng, lãi chậm trả lãi là 9.280.948 đồng.

Công ty TNHH X phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại của Hợp đồng cấp tín dụng số 23133.22.860.3896050.TD ngày 25/05/2022 và Hợp Đồng cấp tín dụng số 33497.21.860.3896050.TD ngày 13/07/2021 cùng các văn bản sửa đổi/ bổ sung Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ số LD2211274072 ngày 22/04/2022, LD221330902 ngày 13/05/2022, LD2213701541 ngày 17/05/2022, LD2215376954 ngày 01/06/2022, LD2215484678 ngày 03/06/2022, LD2220847152 ngày 27/07/2022, LD2221614670 ngày 04/08/2022, LD2222983079 ngày 17/08/2022, LD2224180960 ngày 29/08/2022, LD2225060742 ngày 07/09/2022, LD2226288546 ngày 19/09/2022 đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 22/08/2024 đến khi thi hành án xong.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán hết các khoản nợ vay theo các hợp đồng nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 296, tờ bản đồ số 15, diện tích 716,6m², tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo GCNQSDĐ số CO 757855, số vào sổ CS05113 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp cho ông Đoàn Hoàng H và bà Võ Bùi Tiết H1 ngày 22/08/2018.

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 16, diện tích 4123,3m², tại xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo GCNQSDĐ số CO 757862, số vào sổ

CS09754 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp cho ông Đoàn Hoàng H và bà Võ Bùi Tiết H1 ngày 22/08/2018.

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 15, diện tích 2304m², tại ấp P xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo GCNQSDĐ số BM842972, số vào sổ CH01932 do UBND huyện C cấp ngày 07/05/2013; cập nhật tặng cho bà Võ Bùi Tiết H1 ngày 07/04/2021.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH X đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH X phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 79.579.000đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.422.000đ (Ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 0000083 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và bà Võ Bùi Tiết H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu

